CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Ngày 30/09/2025	600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần *Q3/25*
4.30 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 0.43| 11.2%
YoY: ▲ 3.75| 682%

LN thuần *Q3/25*
-2.33 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼0.32| -16.1%
YoY: ▲ 0.36| 13.2%

LN sau thuế *Q3/25*
-2.40 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼0.36| -17.5%
YoY: ▲ 0.30| 11.2%

Tỷ suất lãi EBIT *Q3/25*
-55.7%
YoY: +/-▼ 2.9%

ROE (TTM) *Q3/25*
-19.1%
YoY: +/-▼ 0.3%

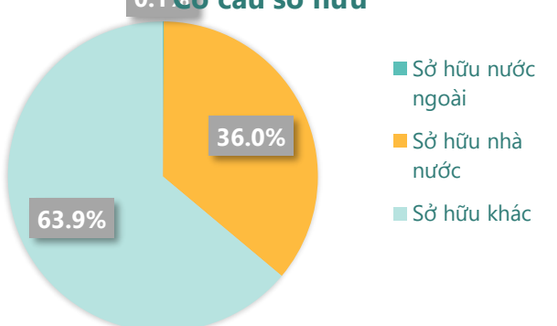
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	500 - 1,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13
Số lượng CPLH (CP)	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,820
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.03)
EPS	-497
P/E	-1.2

DT thuần *9T 2025*
8.73 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼4.57| -34.2%

LN thuần *9T 2025*
-6.54 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 9.86| 60.2%

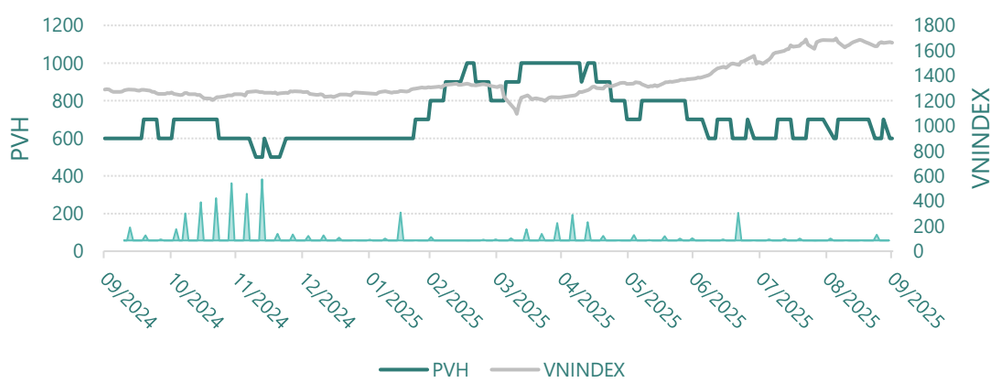
LN sau thuế *9T 2025*
-6.69 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 9.81| 59.5%

Cơ cấu sở hữu

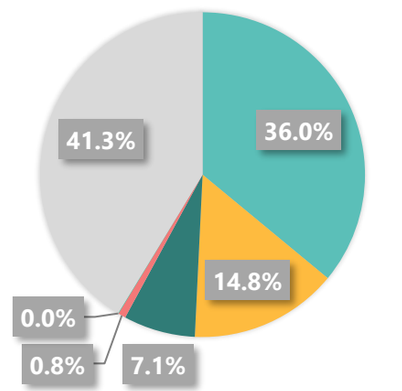


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

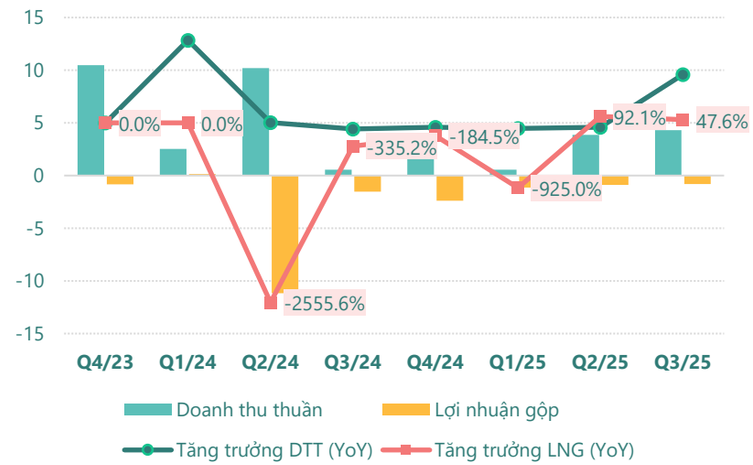


- Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
- CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- CTCP Quản lý quỹ Leadvisors
- Lê Xuân Hoàng
- Nguyễn Trung Liêm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

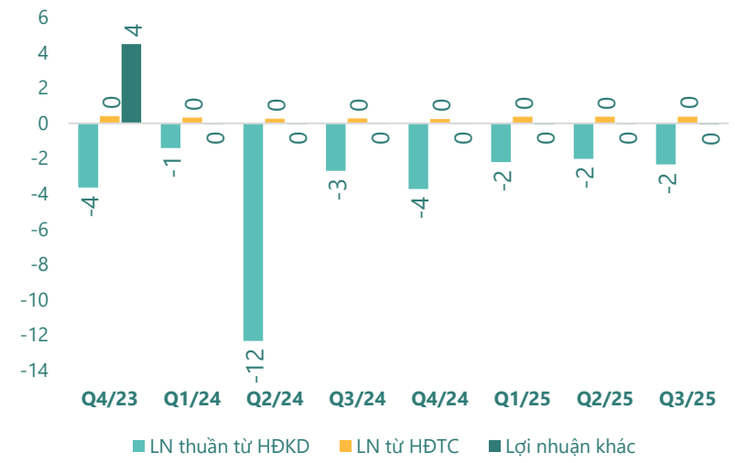
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



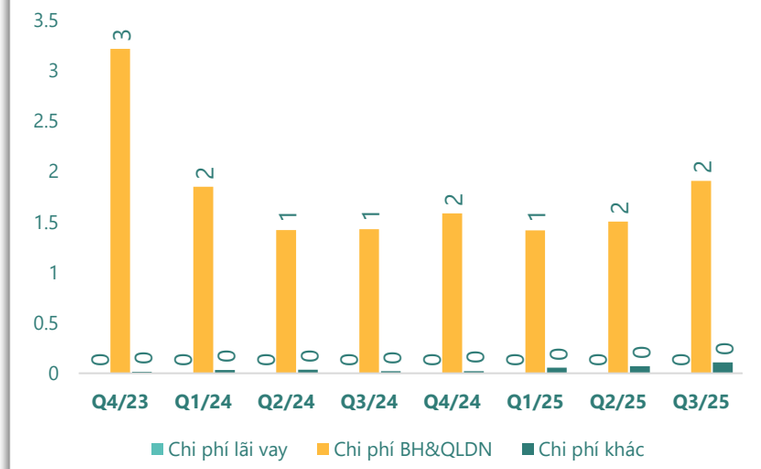
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



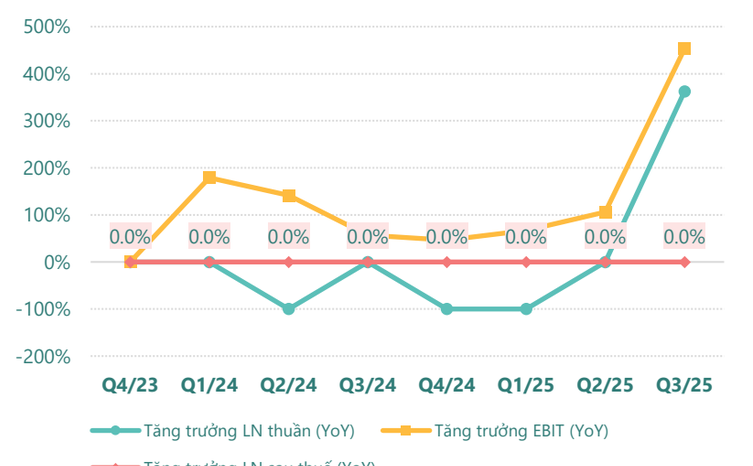
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



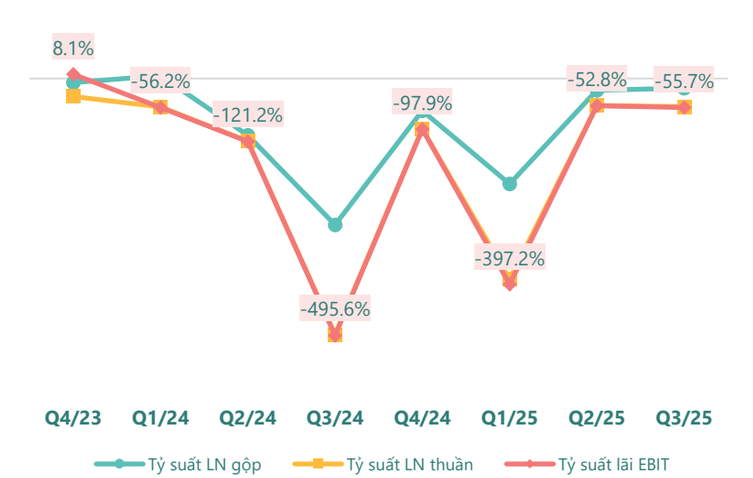
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



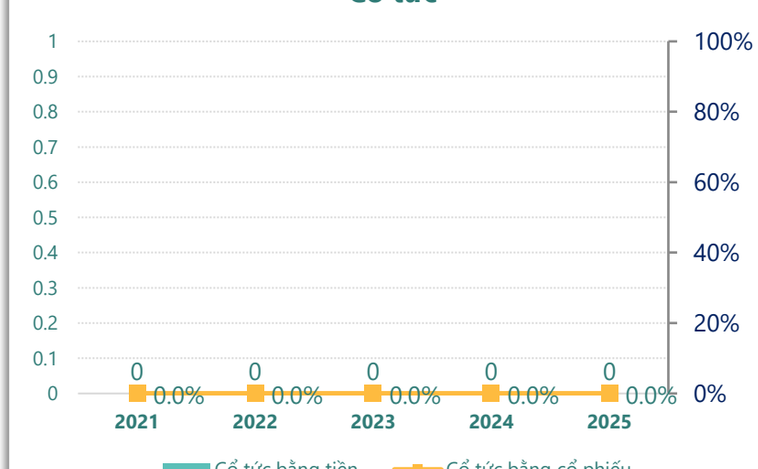
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

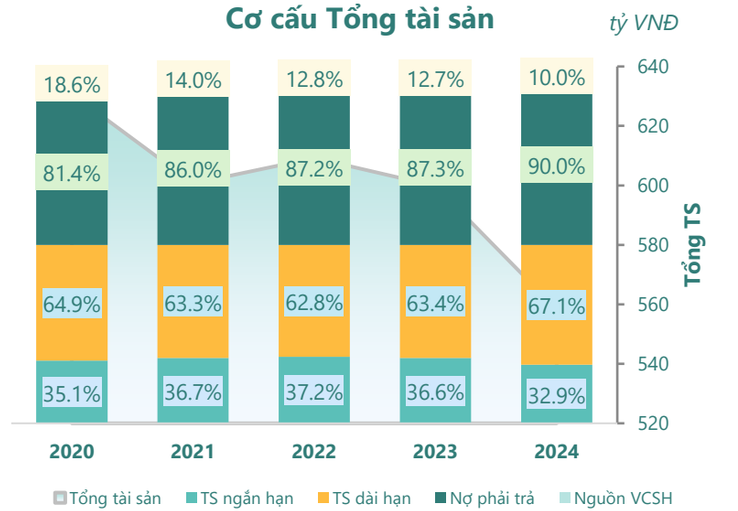
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

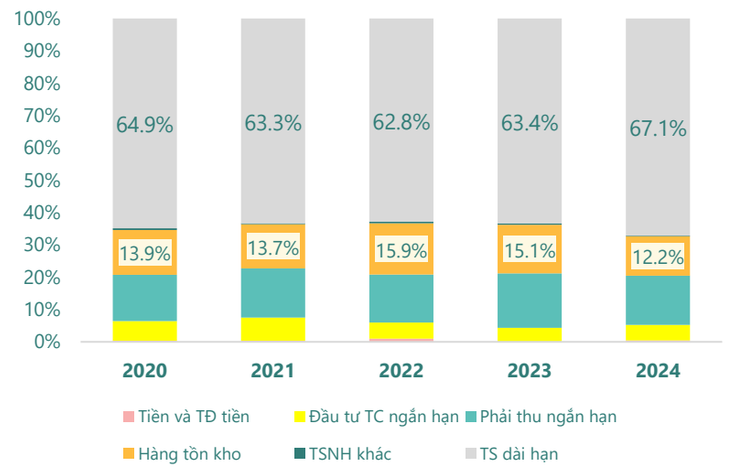
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



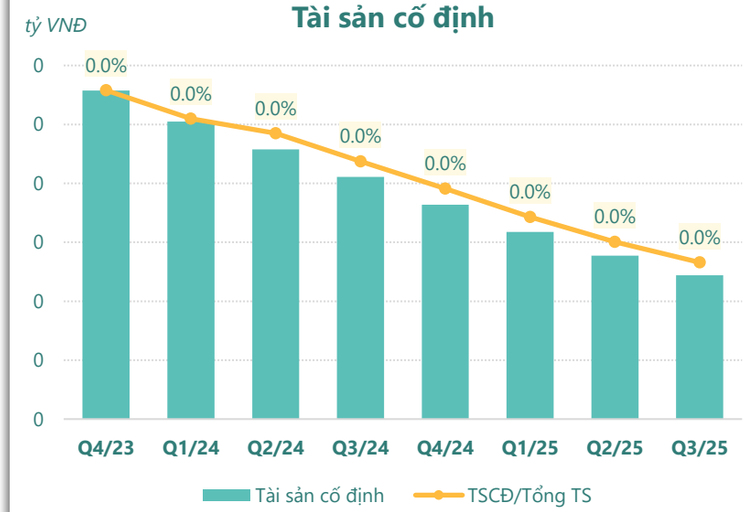
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



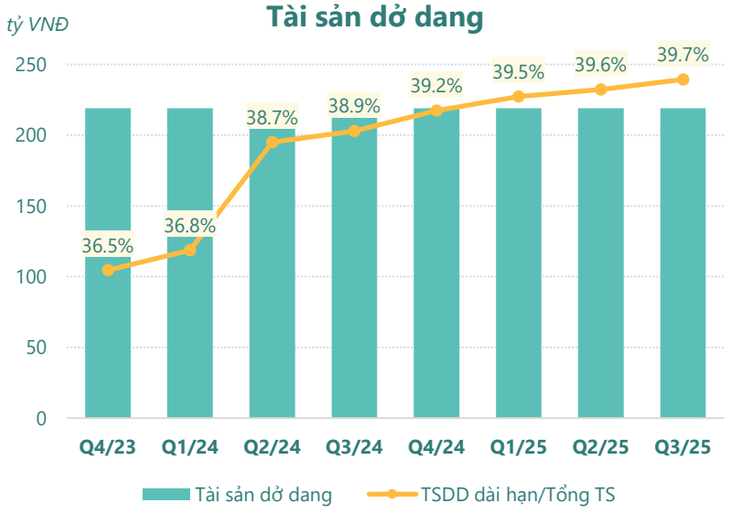
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



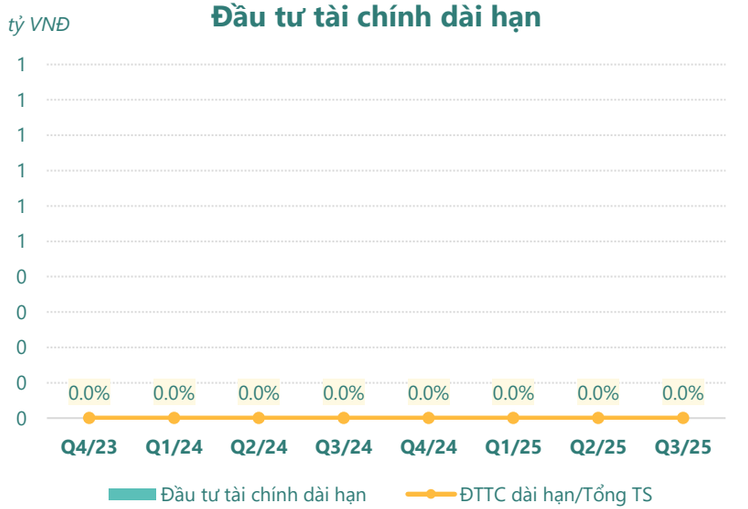
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



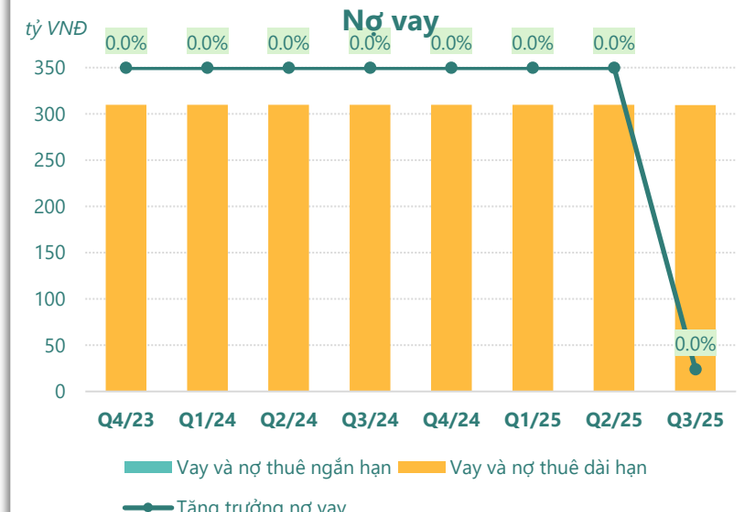
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

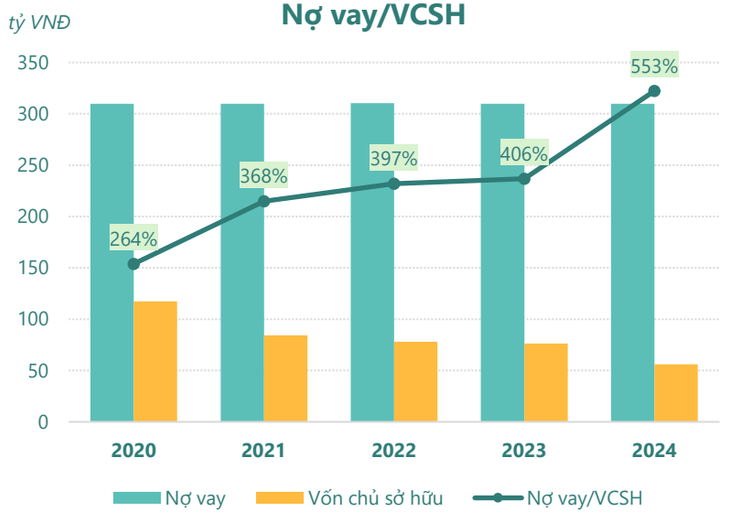
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

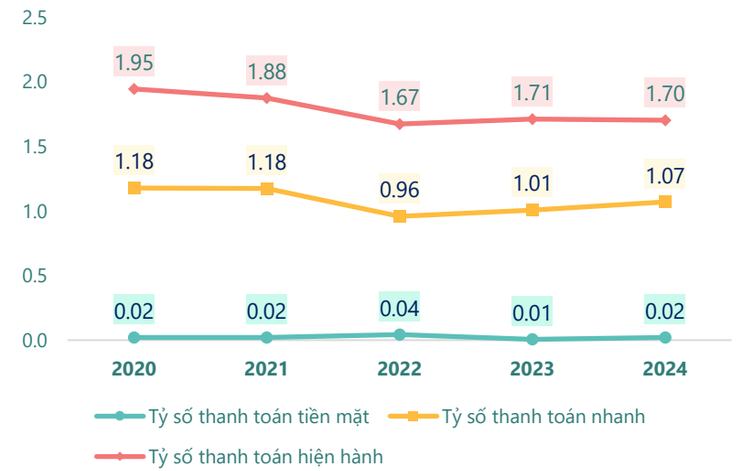
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



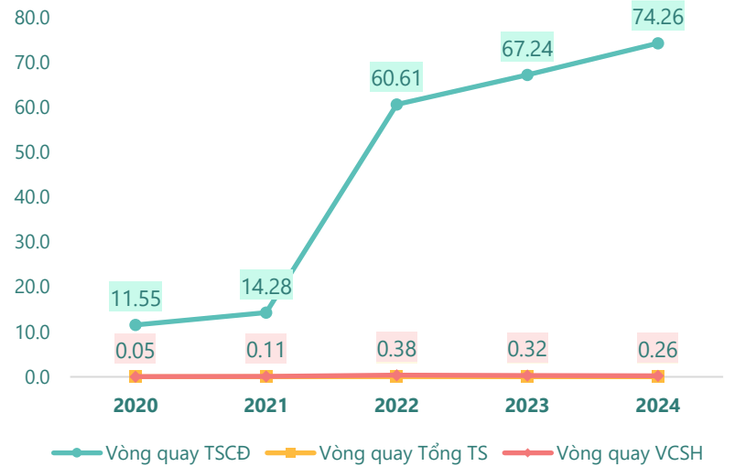
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



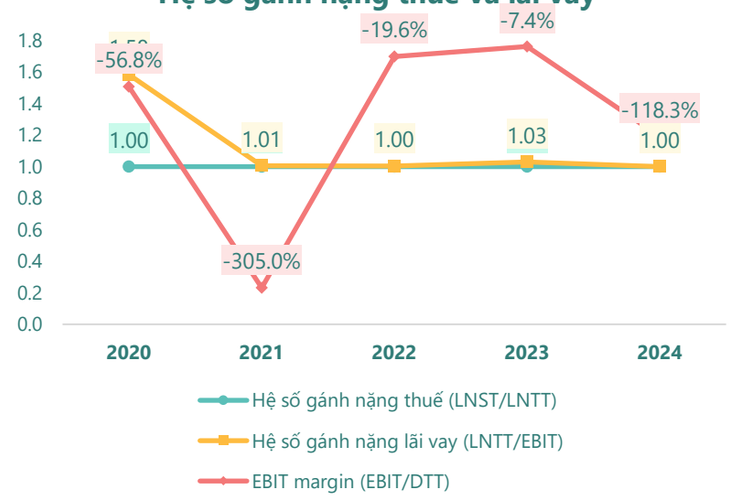
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



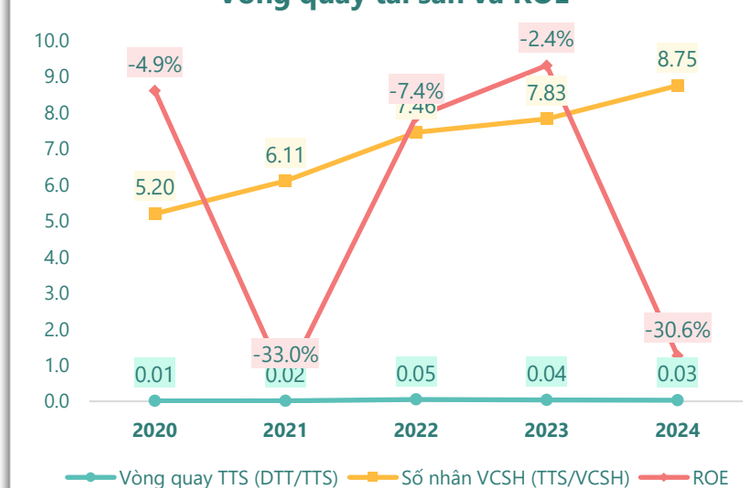
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



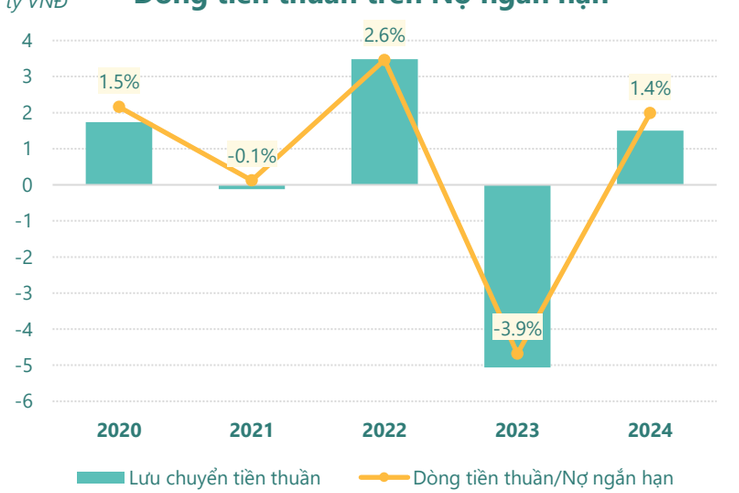
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.30**	**0.55**	**682%**	**8.73**	**13.3**	**-34.2%**
Giá vốn hàng bán	5.11	2.09	145%	11.6	25.9	-55.2%
Lợi nhuận gộp	-0.81	-1.54	47.6%	-2.84	-12.6	77.4%
Doanh thu HĐTC	0.38	0.28	36.6%	1.13	0.86	32.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.33	0.00		0.47	0	
Chi phí QLDN	**1.58**	**1.43**	**10.6%**	**4.36**	**4.70**	**-7.2%**
LN thuần từ HĐKD	-2.33	-2.69	13.2%	-6.54	-16.4	60.2%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**-0.01**	**-526%**	**-0.15**	**-0.08**	**-95.0%**
LN trước thuế	-2.40	-2.70	11.2%	-6.69	-16.5	59.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.40**	**-2.70**	**11.2%**	**-6.69**	**-16.5**	**59.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.40**	**-2.70**	**11.2%**	**-6.69**	**-16.5**	**59.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.22	0.78	2.57	0.99	-2.57	0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.69	0	-1.42	-1.49	2.81	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.88	0.36	1.14	2.28	1.79	2.03
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.52**	**0.78**	**1.14**	**-0.50**	**0.24**	**0.10**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.36	1.14	2.28	1.79	2.03	2.13

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**551**	**558**	**-1.3%**
Tài sản ngắn hạn	179	184	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	2.13	2.28	-6.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.4	27.0	-2.1%
Phải thu ngắn hạn	80.8	84.9	-4.8%
Hàng tồn kho	67.7	68.2	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.74	1.23	42.2%
Tài sản dài hạn	**372**	**375**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	105	106	-0.3%
Tài sản cố định	0.12	0.18	-32.9%
Bất động sản đầu tư	42.5	43.8	-3.0%
Tài sản dở dang	219	219	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.17**	**6.08**	**-15.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	502	502	-0.1%
Nợ ngắn hạn	**108**	**108**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.6	16.3	1.7%
Nợ dài hạn	394	394	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	310	310	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**49.4**	**56.1**	**-11.9%**
Vốn chủ sở hữu	**49.4**	**56.1**	**-11.9%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)